TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HS-ST
Ngày 11 tháng 02 năm 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hoàng và ông Nguyễn Quốc Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Kim Sol – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 14, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình thụ lý số: 02/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo:

Phạm Văn N, sinh ngày 25/01/2002, tại C, A; địa chỉ nơi cư trú: khóm B, phường V, tỉnh A; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Lưu Văn Phương (đã chết) và bà Phạm Thị Chi; Tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 20/01/2025, bị Công an thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Trộm cắp tài sản"* với số tiền 2.500.000 đồng, nộp phạt ngày 05/12/2025.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2025 cho đến nay, tại Phân Trại tạm giam Cô Tô cơ sở 2 thuộc Trại tạm giam số 01 – Công an tỉnh An Giang.

- *Người bị hại:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1999; địa chỉ nơi cư trú: khóm T, phường T, tỉnh A. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lê Văn T, sinh năm 1994; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 5, ấp V, phường V, tỉnh A; (có mặt)

- *Người làm chứng:* Ông Huỳnh Vũ T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 11/10/2025, Lê Văn T đến nhà Phạm Văn N thuộc khóm B, phường V, tỉnh A chơi, thì N rũ T đi tìm tài sản để lấy trộm, được T đồng ý, rồi T điều khiển xe mô tô biển số 67E1-254.18 chở N ngồi phía sau đi tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực tổ 12, khóm T, phường T, tỉnh A thấy xe mô tô biển số 67N8-7041 của anh Nguyễn Thanh H đang dựng cạnh nhà, không người trông giữ, nên N và T nảy sinh ý định lấy trộm xe 67N8-7041 của anh H dẫn ra ngoài đường lộ. Cùng lúc này, anh H phát hiện bắt giữ N và T cùng tang vật giao cho Cơ quan xử lý. Tại cơ quan Công an, N và T đều thừa nhận hành vi lấy trộm xe mô tô 67N8-7041 của anh H.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 29/10/2025, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường Thới Sơn, tỉnh An Giang, kết luận: Xe mô tô biển số 67N8-7041, nhãn hiệu Nagaki, màu sơn: đen – xám, số khung: 42193, số máy: 342193, dung tích: 107cm^3 đã qua sử dụng giá trị 1.100.000 đồng.

Ngày 10/11/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang ra quyết định khởi tố vụ án số A235, Quyết định khởi tố bị can số A365 đối với Phạm Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Ngày 09/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – An Giang truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội *"Trộm cắp tài sản"* được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự hiện hành, theo Cáo trạng số 28/CT-VKSKV14.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn N khai nhận như nội dung cáo trạng đã truy tố, sau khi nghe nội dung luận tội và đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh và khung hình phạt mà cáo trạng đã truy tố; bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T thống nhất với nội dung cáo trạng đã truy tố, có yêu cầu nhận lại xe 67E1 – 254.18, nhãn hiệu Honda, màu sơn: đen – bạc.

Trong quá trình điều tra, bị hại Nguyễn Thanh H đã nhận lại xe mô tô bị chiếm đoạt, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – An Giang thực hành công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất vụ án, mức độ, hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo tác động đến xã hội, phân tích các tình tiết định tội, định khung hình phạt, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu luận tội giữ nguyên quyết định Cáo trạng truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều 38 Bộ luật hình sự hiện hành;

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 06 tháng đến 09 tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam.

Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị hại đã nhận lại tài sản, bị hại không yêu cầu gì thêm, nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 kiềm cộng lực bằng kim loại, màu xám, cán bằng kim loại có dán băng keo đen.

- Tịnh thu phát mãi sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số 67E1 – 254.18, nhãn hiệu Honda, màu sơn: đen – bạc.

Đối với Lê Văn T cùng bị cáo lấy trộm tài sản, nhưng T không có tiền án, tiền sự và tài sản chiếm đoạt không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện, cũng như định giá tài sản.

[1.3] Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập bị hại, người làm chứng vắng mặt; Xét, bị hại đã có lời khai trong quá trình điều tra, việc vắng mặt tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, hoàn toàn phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về toàn bộ diễn biến về thời gian, địa điểm xảy ra hành vi phạm tội, các tình tiết khác của vụ án; phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường được lập trong giai đoạn điều tra. Ngoài ra, còn phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ. Do cần tiền tiêu xài, nên bị cáo cùng với T đi tìm tài sản để lấy trộm, khi thấy tài sản không có người quản lý, nên N và T có hành vi lén lút lấy trộm tài sản xe mô tô 67N8-7041 của bị hại Nguyễn Thanh H có giá trị 1.100.000 đồng; Do bị cáo từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, trong thời gian bị coi là có tiền sự mà còn vi phạm.

Nên hành của bị cáo Phạm Văn N đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự hiện hành, bị cáo có thể bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – An Giang truy tố đối với bị cáo về tội danh, điểm, khoản, điều luật viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện được sự ăn năn hối cải; hành vi của bị cáo là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[2.3] Bị cáo là người trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo bất chấp, cố ý thực hiện với ý thức mong muốn hậu quả xảy ra. Với bản tính lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân mà không phải bỏ ra công sức lao động, bị cáo tìm tài sản lấy trộm, lợi dụng lúc tài sản không có người quản lý, bị cáo cùng với Lê Văn T đã có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô của bị hại. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, trước tình hình các tội phạm xâm phạm về quyền sở hữu, mà cụ thể là trộm cắp tài sản diễn ra ngày càng tăng như hiện nay.

[2.4] Với những nhận định, đánh giá trên, nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt tù giam đối với bị cáo mới đủ để nghiêm khắc và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra, nhằm mục đích giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt khi tái hòa nhập cộng đồng, đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa chung cho xã hội là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2.6] Vật chứng của vụ án:

Đối với cây kiềm cộng lực bằng kim loại, màu xám, cán bằng kim loại có dán băng keo đen do bị cáo mang theo làm công cụ phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô biển số 67E1 – 254.18, nhãn hiệu Honda, màu sơn: đen – bạc Tịch của T là phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên không chấp nhận yêu cầu nhận lại xe của T, phải tịch thu phát mãi sung vào ngân sách nhà nước.

[2.7] Đối với Lê Văn T có hành vi cùng bị cáo N lấy trộm xe mô tô biển số 67N8-7041 của bị hại Nguyễn Thanh H giá trị 1.100.000 đồng là vi phạm pháp luật, nhưng do T không có tiền án, tiền sự và tài sản chiếm đoạt không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Nên, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh An Giang không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T là có căn cứ.

[2.8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự hiện hành;

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội *"Trộm cắp tài sản";*

Xử phạt: bị cáo Phạm Văn N 06 tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày 14/11/2015.

Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 kiềm cộng lực bằng kim loại, màu xám, cán bằng kim loại có dán băng keo đen (đã qua sử dụng).

- Tịnh thu phát mãi sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số 67E1 – 254.18, nhãn hiệu Honda, màu sơn: đen – bạc, số máy JA39E0001441, số khung RLHJA390XHY001367.

Theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh An Giang và Phòng thi hành án dân khu vực 14 – An Giang.

Căn cứ Điều 21, điểm a, khoản 1 Điều 23, Danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phạm Văn N phải chịu 200.000 đồng phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Hùng

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 14 – An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Phân trại tạm giam Cô Tô Cơ sở 2;
- Phòng hồ sơ;
- Phòng THADS khu vực 14 - An Giang;
- Bộ phận THA Tòa án;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.